

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 10 NĂM 2021-2022 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề cương ôn tập giữa HK1 môn Ngữ văn 10

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN NGỮ VĂN 10

NĂM HỌC 2021-2022

PHẦN A: KIẾN THỨC

I. TIẾNG VIỆT:

1. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ:

- Khái niệm: Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Các quá trình của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

2. Văn bản:

- Khái niệm văn bản.
- Đặc điểm của văn bản.
- Cách phân biệt các loại văn bản.

II. LÀM VĂN

Lưu ý các dạng bài

1. Nghị luận xã hội: nghị luận về một tư tưởng đạo lý; hiện tượng đời sống
2. Nghị luận văn học

III. VĂN BẢN

1. Tổng quan văn học Việt Nam:

- Các bộ phận hợp thành văn học Việt Nam.
- Quá trình phát triển của văn học Việt Nam.

- Các mối quan hệ của con người Việt Nam trong văn học.

2. *Khái quát văn học dân gian Việt Nam:*

- Một số đặc trưng cơ bản của văn học dân gian Việt Nam

- Các thể loại chính của văn học dân gian Việt Nam

- Các giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam.

3. *Chiến thắng Mtao Mxây (Trích Sử thi Đăm Săn)*

- Khái niệm và đặc trưng của thể loại sử thi

- Nội dung đoạn trích.

- Nghệ thuật tiêu biểu trong đoạn trích.

- Cảm nhận về nhân vật Đăm Săn.

- Ý nghĩa của cuộc chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây.

4. *Truyện An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy:*

- Khái niệm và đặc trưng của thể loại truyền thuyết

- Tóm tắt truyện.

- Nhân vật An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy

- Hình ảnh ngọc trai - giếng nước.

- Bài học lịch sử

5. *Tấm Cám:*

- Khái niệm và đặc trưng của thể loại cổ tích

- Các tình tiết chính trong văn bản

- Mâu thuẫn cơ bản của truyện Tấm Cám

- Nhân vật Tấm, mẹ con Cám

- Ý nghĩa những chi tiết li kì, huyền ảo

- Bài học từ Tấm Cám.

PHẦN B: KĨ NĂNG

1. Với nghị luận văn học: tóm tắt văn bản; phân tích, cảm nhận về: nhân vật, chi tiết, vấn đề liên quan đến tác phẩm.
2. Với nghị luận xã hội: phân tích đề, lập dàn ý cho đề bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý; hiện tượng đời sống.

PHẦN C: BÀI TẬP ÔN LUYỆN

ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khỏe và chắc mẩy. Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: “Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lẩn vào đó. Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới. Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn. Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Hạt giống tâm hồn, Hai hạt lúa)

1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. (0,5 điểm)
2. Câu văn “Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới” sử dụng biện pháp tu từ gì? (0,5 điểm)
3. Nêu ý nghĩa của văn bản. (1,0 điểm)
4. Nếu được lựa chọn, anh/ chị sẽ chọn cách sống như hạt lúa thứ nhất hay hạt lúa thứ hai? Vì sao? (trả lời trong khoảng từ 5 đến 7 dòng). (1,0 điểm)

LÀM VĂN:

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của câu văn “hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt”.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của con người và thời đại nhà Trần trong bài thơ “Tỏ lòng” (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

ĐỌC HIỂU

1.

- Phong cách ngôn ngữ của văn bản: nghệ thuật

2.

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: nhân hóa (hạt lúa... thì ngày đêm mong... thật sự sung sướng)

3.

- Ý nghĩa của văn bản: từ sự lựa chọn cách sống của hai hạt lúa, câu chuyện đề cập đến quan niệm sống của con người: nếu bạn chọn cách sống ích kỉ, bạn sẽ bị lãng quên; ngược lại, nếu bạn chọn cách sống biết cho đi, biết hi sinh, bạn sẽ nhận lại quả ngọt của cuộc đời.

4.

Học sinh đưa ra quan điểm của bản thân và lí giải thuyết phục

LÀM VĂN:

Câu 1:

a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: Có nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết luận được vấn đề theo phương thức nghị luận.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: trong cuộc sống

c. Triển khai vấn đề nghị luận bằng việc vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động...

- Sự hi sinh của hạt lúa (nát tan trong đất) lại đem đến sự hồi sinh, mang lại cho đời vô số những hạt lúa mới; từ đó liên tưởng đến sự dấn thân, chấp nhận gian khó, thử thách, dám sống và hành động vì mục đích cao cả, tốt đẹp của con người.

- Phê phán lối sống ích kỉ, thu mình trong vỏ bọc khép kín, chỉ biết nghĩ đến những quyền lợi của bản thân.

- Bài học nhận thức và hành động: sống phải biết vươn lên chấp nhận thử thách, khó khăn để làm mới mình và đóng góp cho đời.

d. Sáng tạo: HS có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ của bản thân, văn viết trong sáng, diễn đạt mạch lạc

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 2: Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của con người và thời đại nhà Trần trong bài thơ “Tỏ lòng” (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở đầu bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai vấn đề thành các luận điểm, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp của con người, thời đại nhà Trần trong bài thơ “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng:

- Giới thiệu khái quát về tác giả Phạm Ngũ Lão và bài thơ “Tỏ lòng”

- Nêu và phân tích luận đề: vẻ đẹp của con người và thời đại nhà Trần trong bài thơ:

* Vẻ đẹp của người trai thời Trần:

- Hình ảnh người tráng sĩ vệ quốc thuở bình Nguyên cầm ngang ngọn giáo bên bi bảo vệ non sông với tư thế hiên ngang, uy dũng, mang tầm vóc vũ trụ.

- Hình ảnh người anh hùng với quan niệm về chí làm trai, tự ý thức về nghĩa vụ, trách nhiệm công dân với đất nước trong hoàn cảnh có giặc xâm lăng (công danh nam tử còn vương nợ)

- Nỗ lực cao cả, khiêm nhường cho thấy cái tâm của một nhân cách lớn, hoài bão lớn: mong có được tài cao chí lớn để đóng góp nhiều hơn cho đất nước.

* Vẻ đẹp của thời đại nhà Trần:

- Bằng thủ pháp so sánh phóng đại và sử dụng hình ảnh ước lệ, Phạm Ngũ Lão đã khắc họa vẻ đẹp và sức mạnh của đội quân mang hào khí Đông A “Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu”

→ sức mạnh thể chất vô địch, phi thường; sức mạnh tinh thần với khí thế “xung thiên”, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược.

- Đánh giá chung về vẻ đẹp của con người và vẻ đẹp thời đại nhà Trần, đặc sắc nghệ thuật...

d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện ý nghĩa sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận, văn phong khoa học, giàu cảm xúc

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu (trừ 0,25 điểm nếu mắc 1 – 2 lỗi; trên 3 lỗi trừ 0,5 điểm)

2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10

2.1. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 1

TRƯỜNG THPT ĐÌNH TIÊN HOÀNG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC - HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi luôn ngưỡng mộ những học sinh không chỉ học xuất sắc mà còn dành được nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động ngoại khóa. Họ thường nắm giữ những vị trí quan trọng ở các câu lạc bộ trong trường và ngoài xã hội. Họ đạt điểm cao trong học tập, đi thi đấu thể thao cho trường, giữ chức chủ nhiệm trong các câu lạc bộ, và trên hết, họ là những thành viên tích cực trong Đoàn, Đội. Tôi luôn tự hỏi “làm thế nào mà họ có nhiều thời gian đến thế?”. Mặt khác, những học sinh kém đưa ra lí do họ nhận kết quả thi không tốt là do họ không có thời gian để ôn bài. Tuy nhiên, thực tế, những học sinh này lại thường không tích cực trong các hoạt động tập thể và ngoại khóa như những học sinh giỏi. Tại sao lại như vậy? Tất cả mọi người đều có 24 giờ một ngày. Thời gian là thứ tài sản mà ai cũng được chia đều. Cho dù bạn là một học

sinh giỏi, một học sinh kém, tổng thống hay một người gác cổng, bạn cũng chỉ có cùng một lượng thời gian như nhau. Thời gian là thứ duy nhất mà chúng ta không thể mua được. Tuy nhiên, tại sao một người như tổng thống Mỹ lại có thời gian quản lý cả một quốc gia rộng lớn trong khi đó người gác cổng lại than phiền rằng ông ta không có thời gian để học? Sự khác biệt là do những người thành công trong cuộc sống biết cách quản lý thời gian. Chúng ta không thể thay đổi được thời gian nhưng có thể kiểm soát được cách chúng ta sử dụng nó. Nếu bạn làm chủ được thời gian, bạn sẽ làm chủ được cuộc sống.

(Tôi tài giỏi, bạn cũng thế, Adam Khoo, NXB Phụ nữ, 2013)

Câu 1: Vì sao tác giả cho rằng: Thời gian là thứ duy nhất không thể mua được? (1,0 điểm)

Câu 2: Hãy đề xuất hai giải pháp giúp mỗi người quản lý thời gian một cách hiệu quả. (1,0 điểm)

Câu 3: Nội dung chính của văn bản là gì? (0,5 điểm)

Câu 4: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 5: Viết đoạn văn (từ 12 đến 15 dòng) với câu chủ đề: Lãng phí thời gian là lãng phí cuộc đời. (2,0 điểm)

II. LÀM VĂN (5,0 điểm)

Ở một bãi biển (tỉnh Thanh Hóa), người ta tìm thấy một phiến đá hình người cụt đầu. Nhân dân cho rằng đó là ngọc thạch do xác Mị Châu hóa thành nên đã “rước nàng” về đặt trong am thờ Mị Châu ở khu di tích Cỏ Loa (Hà Nội ngày nay). Liên quan đến câu chuyện này, nhà thơ Trần Đăng Khoa viết:

...Người dân nào xưa đưa em về đây

Như muốn nhắc một điều gì...

(Trước đá Mị Châu, Trần Đăng Khoa)

Theo anh/chị, qua kết cục bi thảm của Mị Châu trong truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy, tác giả dân gian muốn nhắc một điều gì với hậu thế?

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC – HIỂU (5,0 điểm)

Câu 1:

- Thời gian là thứ tài sản mà tạo hóa đã chia đều cho mỗi người. (0,5 điểm)

- Không có thứ gì có thể khiến thời gian thay đổi. Một ngày không thể dài hơn 24 tiếng, một năm không thể nhiều hơn 365 ngày... (0,5 điểm)

Câu 2: Dự kiến một số tình huống trả lời:

- Xác định rõ mục tiêu cuộc sống (ngắn hạn và dài hạn).
- Lập kế hoạch cá nhân (thời gian biểu ngày, tuần, tháng...).
- Hình thành thói quen ghi chép công việc cần làm theo thứ tự ưu tiên...

Học sinh có thể lựa chọn các phương án trả lời khác. Giám khảo chấm điểm dựa trên mức độ hợp lí của câu trả lời.

Câu 3: Nội dung chính của văn bản là khi bạn làm chủ được thời gian, bạn sẽ làm chủ được cuộc sống. (0,5 điểm)

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 5:

* Yêu cầu về kĩ năng: (0,5 điểm)

- Biết cách viết đoạn văn; đoạn văn phải trích dẫn nguyên văn câu chủ đề; diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.
- Đảm bảo dung lượng như yêu cầu đề.

* Yêu cầu về kiến thức: (1,5 điểm)

- Giải thích: Câu nói nêu lên hậu quả của việc lãng phí thời gian.
- Bàn luận:
 - + Nếu biết tận dụng thời gian, con người sẽ tạo ra nhiều giá trị quan trọng, từ vật chất đến tinh thần, phục vụ cho cuộc sống của mình và cho xã hội.
 - + Nếu lãng phí thời gian, nghĩa là ta đang lãng phí tất cả các giá trị vật chất lẫn tinh thần: tiền bạc, sức khỏe, thành công, hạnh phúc...
 - + Hơn nữa, cuộc đời hữu hạn nên mỗi giây phút trôi qua là ta đang mất đi một phần đời của chính mình.
- Bài học: Cần biết quý trọng thời gian và sử dụng thời gian một cách hiệu quả.

Thí sinh có thể trình bày bài làm theo những cách khác, nhưng phải hợp lí, thuyết phục; Giáo viên linh hoạt trong đánh giá.

II. LÀM VĂN (5,0 điểm)

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. (0,5 điểm)

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Bài học nhân dân gửi gắm qua kết cục bi thảm của Mị Châu trong truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy. (0,5 điểm)

c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. (3,0 điểm)

* Giới thiệu ý thơ, tác phẩm, nhân vật Mị Châu và kết cục của nhân vật.

* Bàn luận:

- Mị Châu đã phải nhận một kết cục bi thảm:

+ Đắt nước rơi vào tay giặc.

+ Tình yêu trở thành mối nhục thù.

+ Bản thân bị coi là giặc, phải chịu tội chết.

- Qua kết cục bi thảm ấy, tác giả dân gian nhắn gửi hậu thế nhiều điều:

+ Bài học cảnh giác giữ nước.

+ Bài học về việc xử lí mối quan hệ riêng – chung.

+ Bài học về sự tỉnh táo, lí trí trong tình yêu.

* Đánh giá: Những bài học được rút ra qua sai lầm của Mị Châu có ý nghĩa cho muôn đời.

d. Sáng tạo (0,5 điểm)

- Có cách diễn đạt sáng tạo.

- Có suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm)

2.2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 2

TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

ĐỀ THI GIỮA HK1**NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 10****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc và trả lời những câu hỏi sau:

*Dịu dàng là thế Tấm ơi**Mà sao em phải thiệt thòi, vì sao?**Phận nghèo hôm sớm dãi dầu**Hoá bao nhiêu kiếp, ngọt ngào, đa đoan.**người ngoan ở với người gian**Dẫu hiền như Bụt cũng tan nát lòng**Tin em, em cướp mất chồng**Đành làm quả thị thơm cùng nước non...**(Trích Lời của Tấm, Ánh Tuyết)*

Câu 1: Giá trị tư tưởng của truyện cổ tích Tấm Cám là gì? (Viết không quá 5 câu để cụ thể hoá tư tưởng ấy)

Câu 2: Liệt kê nhân vật “người ngoan” và “người gian” trong truyện Tấm Cám

Câu 3: Những chi tiết nào nói về “phận nghèo” “thiệt thòi” của nhân vật Tấm trong truyện Tấm Cám?

Câu 4: Trong truyện Tấm Cám, Tấm đã “hoá bao nhiêu kiếp”? Đó là những kiếp nào?

Câu 5: Sự hoá kiếp của Tấm, sự xuất hiện của nhân vật ông Bụt cho thấy truyện Tấm Cám thuộc loại nào?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy đã tìm gặp Mị Châu. Những sự việc gì đã xảy ra? Hãy kể lại câu chuyện đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2**MÔN: NGỮ VĂN 10****PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)****Câu 1:**

- Thể hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân về sự chiến thắng tất yếu của cái thiện trước cái ác, về hạnh phúc gia đình, về lẽ công bằng trong xã hội, về năng lực phẩm chất tuyệt vời của con người.
- Nêu những tấm gương đạo đức nhằm giáo dục con người, đặc biệt là trẻ em: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, gieo gió gặt bão

Câu 2:

- Người ngoan: Tấm
- Người gian: Dì ghẻ và Cám

Câu 3: Những chi tiết nói về “phận nghèo” “thiệt thòi” của nhân vật Tấm trong truyện Tấm Cám:

- Bỏ mắt sớm, phải ở với dì ghẻ và Cám.
- Làm lụng từ sáng đến tối không hết việc.
- Bị mẹ con Cám áp bức.

Câu 4: Tấm hoá 4 kiếp: Vàng anh, xoan đào, tiếng chửi của khung cửi, quả thị.

Câu 5: Tấm Cám thuộc truyện cổ tích thần kì.

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

* Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài văn tự sự . Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Bài văn có đủ ba phần có hình thức và nội dung.
- Xây dựng luận điểm - luận cứ - luận chứng rõ ràng.

* Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách lí lẽ và dẫn chứng phải hợp lí, cần làm rõ được các ý chính sau:

1. Mở bài:

- Sau khi an táng cho vợ, Trọng Thủy ngày đêm buồn rầu khổ não.
- Một hôm đang tắm, Trọng Thủy nhìn thấy bóng Mị Châu ở dưới nước bèn nhảy xuống giếng ôm nàng mà chết.

2. Thân bài:

- Trọng Thủy lạc xuống Thủy cung.
- + Vì trong lòng luôn ôm nỗi nhớ Mị Châu nên sau khi chết, linh hồn Trọng Thủy tự tìm đến thủy cung.
- + Miêu tả cảnh cảnh ở dưới thủy cung (cung điện nguy nga lộng lẫy, người hầu đi lại rất đông...).
- Trọng Thủy gặp lại Mị Châu.
- + Đang ngỡ ngác thì Trọng Thủy bị quân lính bắt vào đại điện.
- + Trọng Thủy được đưa đến quỳ trước mặt một người mà lính hầu gọi là công chúa.
- + Sau một hồi lục vấn, Trọng Thủy kể rõ mọi sự tình. Lúc ấy Mị Châu cũng rung rung nước mắt.
- Mị Châu kể lại chuyện mình và trách Trọng Thủy.
- + Mị Châu chết, được vua Thủy Tề nhận làm con nuôi.
- + Mị châu cứng rắn nặng lời phê phán oán trách Trọng Thủy.
- + Trách chàng là người phản bội.
- + Trách chàng gieo bao đớn đau cho hai cha con nàng và đất nước.
- Mị Châu nhất quyết cự tuyệt Trọng Thủy rồi cả cung điện tự nhiên biến mất.
- Trọng Thủy còn lại một mình: Buồn rầu, khổ não, Trọng Thủy mong ước nước biển ngàn năm sẽ xóa sạch lầm lỗi của mình.

3. Kết bài:

- Trọng Thủy hoá thành một bức tượng đá vĩnh viễn nằm lại dưới đáy đại dương.
- * Lưu ý: Người viết có thể vẫn dựa vào dàn ý nêu trên nhưng có thể chọn nội dung câu chuyện khác, ví dụ:

- Trọng Thủy và Mị Châu gặp gỡ nhau. Hai người tỏ ra ân hận. Nhưng rồi họ quyết định từ bỏ mọi chuyện ở dương gian để sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nơi đáy nước.

- Mị Châu gặp Trọng Thủy. Nàng phân rõ lí tình về những chuyện lúc hai người còn sống. Hiểu lời vợ, Trọng Thủy tỏ ra ân hận, nhận tất cả lầm lỗi về mình. Hai người hứa hẹn sẽ làm những điều tốt đẹp để bù đắp những lầm lỗi trước đây.

2.3. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 3

TRƯỜNG THPT LƯƠNG VĂN CÁN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

"8/3/69

Đi thăm bệnh nhân về giữa đêm khuya. Trở về phòng, nằm thao thức không ngủ được. Rừng khuya im lặng như tờ, không một tiếng chim kêu, không một tiếng lá rụng hoặc một ngọn gió nào đó khẽ rung cành cây. Nghĩ gì đấy Th. ơi?. Nghĩ gì mà đôi mắt đăm đăm nhìn qua bóng đêm. Qua ánh trăng mờ Th. thấy biết bao là viễn cảnh tươi đẹp, cả những cận cảnh êm đềm của những ngày sống giữa tình thương trên mảnh đất Đức Phổ này. Rồi cảnh chia li, cảnh đau buồn cũng đến nữa ... Đáng trách quá Th. ơi! Th. có nghe tiếng người thương binh khẽ rên và tiếng súng vẫn nổ nơi xa. Chiến trường vẫn mùa chiến thắng."

(*Nhật kí Đặng Thùy Trâm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005*)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên?

Câu 2: Văn bản trên tồn tại dưới dạng nào?

Câu 3: Chỉ ra dấu hiệu của phong cách ngôn ngữ đó trong văn bản trên?

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1: Viết bài văn khoảng một trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng xả rác bừa bãi ở nơi công cộng hiện nay?

Câu 2: Phân tích bài thơ “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 10

Phần I: Đọc hiểu (3đ)

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Câu 2: Dạng viết: Nhật kí.

Câu 3: Dấu hiệu của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

- Tính cụ thể:

+ Con người: Nhân vật phân thân đối thoại.

+ Thời gian: Đêm khuya.

+ Không gian: Rừng núi.

- Tính cảm xúc: Thể hiện ở giọng điệu thân mật, câu nghi vấn, câu cảm thán, những từ ngữ: Viễn cảnh, cận cảnh, cảnh chia li, cảnh đau buồn được viết theo dòng tâm tư.

- Tính cá thể: Nét cá thể trong ngôn ngữ của nhật kí là ngôn ngữ của một người giàu cảm xúc, có đời sống nội tâm phong phú ("...nằm thao thức không ngủ được", "Nghĩ gì đấy Th. ơi?", "Th. thấy...", "Đáng trách quá Th.ơi!", "Th. có nghe...?")

Phần II: Làm văn (7đ)

Câu 1:

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

b. Thân bài:

- Giải thích đề bài: Xả rác bừa bãi là hiện tượng xả rác không đúng nơi quy định, không vứt rác vào thùng mà bỏ lung tung, thậm chí vứt ngay xuống đường phố.

- Thực trạng.

• Một người ngang nhiên vứt rác bừa bãi ra đường.

• Rác bay từ trên gác xuống đường bất chấp ai ở bên dưới.

- Vứt rác xuống hồ.
 - Những nơi nhiều khách tham quan du lịch rác ở khắp nơi...
 - Nguyên nhân
 - + Chủ quan
 - Do thói quen đã có từ lâu đời.
 - Do thiếu hiểu biết.
 - Do thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, ích kỉ, lười nhác, thiếu lòng tự tôn dân tộc, thiếu một tấm lòng...
 - + Khách quan
 - Do đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu – giờ thu gom rác không đáp ứng được với tất cả người dân.
 - Không có chế tài xử phạt nghiêm khắc.
 - Hậu quả
 - Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại.
 - Gây ô nhiễm môi trường.
 - Bệnh tật phát sinh bực...
 - Ảnh hưởng đến cảnh quan, thẩm mỹ, mất đi vẻ xanh - sạch - đẹp vốn có.
 - Ngành du lịch gặp khó khăn, hình ảnh dân tộc, đất nước bị giảm đi ấn tượng tốt đẹp.
 - Bài học: Nêu được bài học cho riêng mình.
- c. Kết bài: Suy nghĩ về vấn đề cần nghị luận.

Câu 2:

- Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (có thể tích hợp trong phần mở bài)
- Vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên
 - + Mọi hình ảnh đều sống động: hoè lục đùn đùn, rợp mát như giương ô che rợp; thạch lựu phun trào sắc đỏ, sen hồng đang độ ngát mùi hương.
 - + Mọi màu sắc đều đậm đà: hoè lục, lựu đỏ, sen hồng.

- Vẻ đẹp thanh bình của bức tranh đời sống con người: nơi chợ cá dân dã thì "lao xao", tấp nập; chốn lầu gác thì "dắng dỏi" tiếng ve như một bản đàn.
- Cả thiên nhiên và cuộc sống con người đều tràn đầy sức sống. Điều đó cho thấy một tâm hồn khao khát cuộc sống, yêu đời mãnh liệt và tinh tế, giàu chất nghệ sĩ của tác giả.
- Niềm khát khao cao đẹp
- + Đắm mình trong cảnh ngày hè, nhà thơ ước có cây đàn của vua Thuấn, gảy khúc Nam phong cầu mưa thuận gió hòa để "Dân giàu đủ khắp đòi phương".
- + Lấy Nghiêu, Thuấn làm "gương báu răn mình", Nguyễn Trãi đã bộc lộ chí hướng cao cả: luôn khao khát đem tài trí để thực hiện tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân.
- Nghệ thuật
- + Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích.
- + Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn.
- + Sử dụng từ láy độc đáo: đùn đùn, lao xao, dắng dỏi,...
- Đánh giá chung: Tư tưởng lớn xuyên suốt sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi - tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân - được thể hiện qua những rung động trữ tình dạt dào trước cảnh thiên nhiên ngày hè.

2.4. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 4

TRƯỜNG THPT NHO QUAN A

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I. Đọc hiểu (5 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

Chẳng ai muốn làm hành khát,

Tội trời dày ở nhân gian.

Con không được cười giễu họ,

Dù họ hơi hám úa tàn.

Nhà mình sát đường, họ đến,

Có cho thì có là bao.

Con không bao giờ được hỏi,

Quê hương họ ở nơi nào.

(...)

Mình tạm gọi là no ấm,

Ai biết cơ trời vẫn xoay,

Lòng tốt gửi vào thiên hạ,

Biết đâu nuôi bổ sau này.

(Trần Nhuận Minh, Dặn con, Nhà thơ và hoa cỏ, NXB Văn học, 1993)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2: Hãy nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 3: Hãy tìm trong vốn từ tiếng Việt từ đồng nghĩa với từ hành khất? Theo em, vì sao tác giả dùng từ hành khất thay vì các từ đồng nghĩa khác?

Câu 4: Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề cho và nhận ở đời (cho đi và nhận lại).

Phần II. Làm văn (5 điểm)

Cảm nghĩ về những ngày đầu tiên bước vào trường trung học phổ thông.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 10

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm):

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích: Lời dạy của người cha với con:

- Lời dạy thể hiện tinh thần nhân văn: thương yêu, giúp đỡ con người, tôn trọng con người.
- Lời dạy đầy sự chiêm nghiệm sâu sắc về lẽ đời như: cơ trời vùn xoay, lòng tốt, cho và nhận... khiến con người phải suy nghĩ về cách sống.

Câu 3:

- Từ đồng nghĩa với từ hành khất: ăn xin, ăn mày.
- Tác giả dùng từ hành khất vì:
 - + Tác dụng phối thanh.
 - + Hành khất là từ Hán Việt có sắc thái trang trọng, khác với sắc thái trung tính của các từ thuần Việt ăn xin, ăn mày, do đó phù hợp với cảm xúc của nhân vật trữ tình trong lời dạy con (phải tôn trọng, giữ thể diện cho những người hành khất).

Câu 4: Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp:

- * Giới thiệu vấn đề nghị luận.
 - Từ nội dung đoạn thơ: Lời dạy con của người cha phải biết giúp đỡ và tôn trọng những người hành khất. Giúp người, đến khi gặp hoạn nạn, người khác sẽ giúp mình.
 - Nêu vấn đề: cho và nhận ở đời.
- * Phân tích vấn đề:
 - Giải thích:
 - + Cho là cho đi (vật chất, tinh thần, kinh nghiệm, ...).
 - + Nhận là nhận về niềm vui, sự thanh thản và kể cả vật chất.
 - * Phân tích biểu hiện:
 - Cuộc sống còn rất nhiều mảnh đời khốn khổ, cần sự giúp đỡ của cộng đồng.
 - Khi giúp đỡ người khác, con người cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc. Và khi lỡ sa chân vào khốn khó, có thể sẽ nhận được sự sẻ chia từ cộng đồng.
- * Bình luận:

- Cho và nhận làm cho cuộc sống có ý nghĩa, nó cũng là quy luật của cuộc sống, giúp cho xã hội nhân văn và phát triển hơn, đáng được ca ngợi.

- Nhưng cuộc sống cũng còn lắm kẻ chỉ biết nhận mà không biết cho, hoặc cho đi và đòi phải nhận lại. Điều ấy cần phải phê phán.

* Kết luận: Cuộc đời sẽ giàu ý nghĩa khi ta biết cho và nhận.

Phần II: Làm văn (5đ)

Dàn ý

a. Mở bài:

Nêu cảm nghĩ chung về sự hồi hộp, niềm vui và hạnh phúc khi được trở thành một học sinh THPT.

b. Thân bài:

- Cảm nghĩ trước khi nhập học:

+ Nhớ lại lần đầu tới trường, hay những lần khai giảng năm học trước

+ Bước vào trường THPT có gì khác biệt: hồi hộp, tự hào (bản thân trải qua kì thi đầy thử thách, thấy mình đã lớn và trưởng thành hơn).

- Cảm nghĩ khi mới đặt chân đến trường:

+ Miêu tả khái quát khung cảnh trường (mới lạ, rộng rãi, sạch đẹp, có nhiều bồn hoa, cây cảnh đẹp...).

+ Gặp gỡ, làm quen với thầy cô và các bạn mới (thầy cô, bạn bè đều là những người chưa quen ; cảm giác ban đầu xa lạ nhưng lại như có một sợi dây gắn kết vô hình, tạo sự gần gũi).

+ Phân chia lớp, phòng học và các bạn mới

- Cảm nghĩ về buổi chào cờ đầu tiên:

+ Lời thầy Hiệu trưởng (dõng dạc, nghiêm trang, đầy giục giã).

+ Lời phát biểu cảm nghĩ của một học sinh mới (gây ra niềm đồng cảm, xúc động ra sao?).

- Cảm nghĩ về buổi học đầu tiên:

+ Mới đầu còn đôi chút lạ lẫm, ngỡ ngàng

+ Về sau, cả lớp hào hứng hòa nhập nhanh chóng

+ Buổi học qua nhanh nhưng để lại nhiều ấn tượng.

c. Kết bài:

- Cảm giác vui vẻ, có chút gì đó khó tả.

- Trong lòng có sự tin tưởng sẽ sớm gần gũi, hòa nhập với việc học tập và tham gia phong trào của lớp, gần bó với các bạn và môi trường học tập mới.

2.5. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 5

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Sáng nay tôi nhìn thấy em ở ngã tư. Đèn đỏ còn sáng và đồng hồ đang đếm ngược. Ba mươi chín giây. Em đang vội, chiếc xe đạp điện màu đỏ cứ nhích dần lên. Không chỉ mình em, nhiều người khác cũng vội. những chiếc xe máy cứ nhích dần, nhích dần lên

Sống là không chờ đợi. Dù chỉ mấy mươi giây.

Tôi nhớ có hôm nào đó, em đã nói với tôi rằng đây là một triết lý hay, ta phải tranh thủ sống đến từng giây của cuộc đời.

Nhưng em biết không, đừng vì bất cứ một triết lý nào mà gạt bỏ ý nghĩa của sự chờ đợi. Chờ đợi ở đây không phải là há miệng chờ sung, mà chờ đợi là một phần của bài học cuộc đời. Em sẽ bằng lòng đợi chứ, nếu em biết về điều sẽ xảy ra?

Đôi khi xếp hàng ở siêu thị, vì biết rồi sẽ đến lượt mình và rằng đó là sự công bằng. Đợi tín hiệu đèn xanh trước khi nhấn bàn đạp, vì biết đó là luật pháp và sự an toàn cho chính bản thân. Đợi một người trẻ hẹn thêm vài phút nữa, vì biết có bao nhiêu điều có thể bất ngờ xảy ra trên đường. Đợi một cơn mưa vì biết rằng dù dai dẳng mấy, nó cũng phải tạnh. Đợi một tình yêu đích thực vì biết rằng những thứ tình yêu “theo trào lưu” chỉ có thể đem đến những tổn thương cho tâm hồn nhạy cảm của em...

(Nếu biết trăm năm là hữu hạn, Phạm Lữ Ân, NXB Hội nhà văn, 2012, tr 25)

Câu 1: Anh/chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của thành ngữ được gạch chân trong câu văn: Chờ đợi ở đây không phải là há miệng chờ sung, mà chờ đợi là một phần của bài học cuộc đời.

Câu 2: Anh/chị lựa chọn triết lí nào cho cuộc sống của bản thân: Sống là không chờ đợi hay là đừng vì bất cứ một triết lí nào mà gạt bỏ ý nghĩa của sự chờ đợi? Vì sao?

Câu 3: Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 4: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng được nhắc đến trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: tình yêu “theo trào lưu”.

Câu 2: (5,0 điểm)

Về chùm ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa, có ý kiến cho rằng: “Nỗi niềm chua xót đắng cay và tình cảm yêu thương chung thủy của người bình dân trong xã hội cũ được bộc lộ chân tình và sâu sắc”

(Ngữ văn 10, tập 1, NXB Giáo dục, 2014, tr 85)

Qua một số bài ca dao anh/chị biết, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: Há miệng chờ sung trong câu văn này có nghĩa: chỉ sự thụ động, thiếu tinh thần chủ động trong công việc.

Câu 2: HS trình bày triết lí sống của bản thân, câu trả lời cần hợp lí, có sức thuyết phục có thể HS sẽ trình bày một trong các quan điểm sau:

- Sống là không chờ đợi: sống tích cực, biết chớp thời cơ, nắm bắt cơ hội - nhưng không đồng nghĩa với sống vội, sống gấp.

- Đừng vì bất cứ một triết lý nào mà gạt bỏ ý nghĩa của sự chờ đợi: Biết chờ đợi bởi đó là biểu hiện của sự kiên trì, chín chắn, nắm được quy luật của cuộc sống, không nóng vội hay đốt cháy giai đoạn – nhưng không đồng nghĩa với sự thụ động, chậm chạp.

Câu 3: Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên: phương thức tự sự, phương thức nghị luận.

Câu 4: Về nội dung: tác giả bác bỏ triết lý sống: sống là không chờ đợi, từ đó chứng minh rằng: trong cuộc sống, sự chờ đợi là cần thiết và có ý nghĩa.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

- Yêu cầu về kỹ năng: HS biết viết đoạn nghị luận xã hội, có dung lượng khoảng ½ trang giấy, biết triển khai luận điểm, diễn đạt mạch lạc.

- Yêu cầu về nội dung: bài làm có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung chính sau:

+ Mở đoạn: giải thích hiện tượng: tình yêu “theo trào lưu”: tình yêu của nam nữ không xuất phát từ những rung cảm đích thực, chân thành; đó là những tình cảm hời hợt, yêu theo phong trào, đua đòi theo đám đông.

+ Thân đoạn: trình bày suy nghĩ về hiện tượng:

- Biểu hiện tình yêu theo trào lưu: chủ yếu trong giới trẻ.
- Tác hại của tình yêu theo trào lưu: lãng phí thời gian, tổn thương tâm hồn, (và thể xác).
- Nguyên nhân: do tâm lý đám đông, do đặc thù lứa tuổi.
- Giải pháp: bản thân giới trẻ, gia đình....

+ Kết đoạn: liên hệ bản thân

Câu 2: (5,0 điểm)

* Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, cú pháp.

* Yêu cầu cụ thể: Bài làm có thể có nhiều cách diễn đạt, sau đây là một số ý cơ bản:

- Khái quát về ca dao
- Phân tích ý kiến
- + Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa bộc lộ nỗi niềm chua xót đắng cay và tình cảm yêu thương chung thủy của người bình dân.
- + Bộc lộ nỗi niềm chua xót đắng cay: HS chứng minh qua chùm ca dao than em như
- + Bộc lộ tình cảm yêu thương chung thủy: HS chứng minh qua các bài ca dao khấn thương nhớ ai,
- + Nghệ thuật thể hiện nỗi niềm tình cảm của người bình dân: Thể thơ, hình ảnh so sánh, ẩn dụ, mô típ..
- Đánh giá:
 - + Qua chùm ca dao than thân thấy được số phận của người bình dân trong xã hội cũ, đồng thời thấy được vẻ đẹp tâm hồn người bình dân.
 - + Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống tinh thần người lao động, đặc biệt trong xã hội cũ.

2.6. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 6

TRƯỜNG THPT KIM SƠN A

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

Đọc đoạn văn sau và trả lời những câu hỏi:

Có nơi mô như ở quê mình

Mẹ đợi con, tóc hoá ngàn lau trắng

Lung nặng thời gian, nghìn ngày trên bến vắng

Đứa tận miền Nam

Đứa ở Trường Sơn

Biền biệt không về...

(Quê mình, Tạ Nghi Lễ)

Câu 1 (1,5 điểm): Nêu ý nghĩa 2 câu thơ:

*“Mẹ đợi con, tóc hóa ngàn lau trắng
Lưng nặng thời gian, nghìn ngày trên bến vắng”*

Câu 2 (0,5 điểm): Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 3 (1,0 điểm): Người mẹ được tác giả miêu tả thế nào?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (5,0 điểm): Hóa thân thành cá bống kể lại chuyện Tấm Cám.

Câu 2 (2,0 điểm): Viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về tinh thần tự học.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

Câu 1 (1,5 điểm): Ý nghĩa 2 câu thơ: khắc họa nỗi vất vả, cơ cực trong cuộc đời mẹ bao năm trời bôn ba với gió sương để kiếm kế sinh nhai nuôi sống những người con của mình đồng thời thể hiện tình cảm yêu thương và sự biết ơn, trân trọng trước công lao ấy của những người con.

Câu 2 (0,5 điểm): Đoạn thơ được viết theo thể thơ tự do.

Câu 3 (1,0 điểm): Người mẹ được tác giả miêu tả: đợi con, tóc hóa ngàn lau trắng, lưng nặng thời gian, nghìn ngày trên bến vắng.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1(5,0 điểm):

a. Mở bài:

Giới thiệu câu chuyện bằng lời kể của cá bống.

b. Thân bài:

* Hoàn cảnh gặp gỡ Tấm Cám và chứng kiến câu chuyện

- Tôi sống ở một con sông nhỏ, ngày ngày thong thả vui chơi.
- Một hôm tôi vừa tỉnh giấc đã thấy mình nằm trong một thứ gì đó khá chật chội, tối om.
- lát sau tôi được quay trở về với dòng nước mát nhưng ở một nơi khác có hình tròn và chật chội hơn dòng sông. Tôi sống ở đó nhiều ngày liên tiếp.
- Có cô gái tên là Tấm hằng ngày đến cho tôi ăn, làm bạn với tôi; tôi chứng kiến cuộc sống của cô gái bất hạnh này.

* Diễn biến câu chuyện

- Một hôm, nghe tiếng gọi cho tôi ăn, tôi ngoi mặt nước để ăn. Bỗng một hôm khi nghe thấy tiếng gọi tôi ngoi lên thì lại bị vớt lên.
- Hai người phụ nữ về dữ dần bắt tôi ăn thịt, xương bị vùi vào đống tro bếp. Tấm cho gà trống nắm thóc rồi nhờ tìm giúp xương tôi, lấy chôn vào bốn chân giường.
- Ít lâu sau, nhà vua mở hội tìm vợ. Tấm bị mẹ con Cám bắt làm việc nhà không cho đi. Cô được Bụt giúp nên có bộ trang phục đẹp để đi dự hội. Không may làm rơi chiếc giày nhưng chính chiếc giày đó đã giúp nàng trở thành vợ của vua.
- Thế nhưng, trong lần về nhà giỗ cha, Tấm bị dì ghẻ lừa leo lên cây cau rồi bị ngã chết do đi đứng dưới chặt gốc cây. Sau đó bà ta lại đem Cám vào cung thay thế Tấm.
- Tấm không chết mà hóa thành con chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi rồi hóa thành cây thị. Kì lạ là cây chỉ có một quả, được một bà lão qua đường đem về để nơi góc giường.
- Một hôm, nhà vua đi qua quán nước của bà thấy miếng trầu têm cánh phượng, gắng hỏi cuối cùng tìm được Tấm và đưa nàng về cung. Mẹ con Cám về sau cũng bị trừng phạt. Tấm sống hạnh phúc bên nhà vua.

c. Kết bài:

Khái quát lại ý nghĩa câu chuyện.

Câu 2 (2,0 điểm):

a. Mở bài:

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tinh thần tự học.

b. Thân bài:

* Giải thích

Tự học là khả năng tự tìm tòi, lĩnh hội kiến thức một cách chủ động mà không dựa dẫm vào ai.

* Phân tích

- Tự học giúp chúng ta chủ động trong việc tìm kiếm, tiếp thu được nhiều kiến thức bổ ích và có thể tự rút ra được những bài học cho riêng mình mà không bị phụ thuộc vào bất cứ ai.

- Tự học giúp ta ghi nhớ kiến thức lâu hơn.

- Tự học giúp chúng ta rèn luyện tính kiên trì.

- Tự học giúp mỗi chúng ta trở nên năng động hơn trong chính cuộc sống của mình.

* Chứng minh

Học sinh lựa chọn những dẫn chứng tiêu biểu để minh họa cho luận điểm của mình.

* Phản biện

Có những người lười biếng, không chịu tìm tòi, học hỏi để mở mang tầm hiểu biết. Những người này đáng bị phê phán.

c. Kết bài:

Liên hệ bản thân và rút ra bài học.

2.7. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 7

TRƯỜNG THPT HOA LƯ' A

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu:

- Con yêu mẹ bằng ông trời

Rộng lắm không bao giờ hết

- Thế thì là sao con biết
Là trời ở những đâu đâu
Trời rất rộng lại rất cao
Mẹ mong, bao giờ con tới!

- Con yêu mẹ bằng Hà Nội
Để nhớ mẹ con đi tìm
Từ phố này đến phố kia
Con sẽ gặp ngẫu được mẹ

- Hà Nội còn là rộng quá
Các đường như hệ giăng tơ
Nào những phố này phố kia
Gặp mẹ làm sao gặp hết [...]
Tính mẹ cứ hay là nhớ
Lúc nào cũng muốn bên con
Nếu có cái gì gần hơn
Con yêu mẹ bằng cái đó

- À mẹ ơi có con đế
Luôn trong bao diêm con đây
Mở ra là con thấy ngay
Con yêu mẹ bằng con đế!

(Con yêu mẹ, Xuân Quỳnh)

Câu 1: Anh/chị nhận thấy những vẻ đẹp gì ở người con trong đoạn văn bản?

Câu 2: Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) về giá trị của tình mẫu tử trong đời sống mỗi con người.

Câu 3: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 4: Đoạn thơ thể hiện những so sánh hồn nhiên của đứa trẻ. Chỉ ra những so sánh đó.

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Bằng sự tưởng tượng của mình, anh/chị hãy hóa thân vào nhân vật Rùa Vàng kể lại theo ngôi thứ nhất hai lần gặp An Dương Vương trên đất Âu Lạc. Từ đó, nhận xét về vai trò của những yếu tố tưởng tượng, hư cấu trong truyền thuyết.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 10

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: Người con trong đoạn thơ đã thể hiện vẻ đẹp trong suy nghĩ và tình cảm:

- Suy nghĩ đặc biệt khi thể hiện tình cảm dành cho mẹ: chọn những điều to lớn nhất để so sánh vì những thứ nhỏ bé (trong suy nghĩ của con) không thể bao chứa hết tình cảm dành cho mẹ, song những điều đó lớn quá thì cũng khó đạt tới vì thế cậu bé chỉ muốn lúc nào cũng ở bên mẹ nên so sánh ngộ nghĩnh cuối bài “con yêu mẹ bằng con dế”.
- Tình cảm cao quý, trong sáng, hồn nhiên qua cái nhìn trẻ thơ, qua cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu mà đi sâu vào lòng người.

Câu 2: Học sinh có thể có những suy nghĩ riêng song cần kiến giải hợp lý. Có thể tham khảo các ý sau:

- Tình mẫu tử (cùng tình phụ tử) là tình cảm đẹp, thiêng liêng nhất trong cuộc đời mỗi con người.
- Là tình cảm đầu tiên con người được tiếp xúc, đi cùng đến hết cuộc đời, giúp con người vượt qua những trở ngại cuộc sống, khơi dậy những giá trị cao cả, giúp con người trưởng thành.
- Biết và thấu hiểu tình mẫu tử giúp con người sống tốt, có ý nghĩa.

Câu 3: Phương thức biểu đạt: phương thức biểu cảm.

Câu 4: Những so sánh hồn nhiên của đứa trẻ: Tình yêu mẹ bằng/(như) ông trời... Hà Nội... con dế.

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

a. Bài viết đảm bảo đúng trọng tâm yêu cầu đề, xác định đúng ngôi tự sự (ngôi thứ nhất, nhân vật Rùa Vàng tự kể). Nhận xét ngắn gọn vai trò của những yếu tố tưởng tượng, hư cấu trong truyền thuyết, kết cấu 3 phần đúng theo yêu cầu về bài viết làm văn.

b. Mở bài, kết bài đúng yêu cầu đề, có sức tưởng tượng phong phú, tích cực, lời văn kể sinh động hấp dẫn.

c. Đảm bảo trần thuật đủ và đúng diễn biến hai lần gặp An Dương Vương trên đất Âu Lạc của Rùa Vàng. Cụ thể:

- Hình dung khung cảnh diễn ra sự việc, thời gian và không gian của cuộc gặp gỡ giữa Rùa Vàng và An Dương Vương.

- Tái hiện diễn biến các sự việc và các chi tiết tiêu biểu:

+ Rùa Vàng xuất hiện từ phương đông như lời báo của cụ già, được An Dương Vương đón vào thành, giúp nhà vua xây thành, cho vượt làm lấy nỏ thần.

+ Rùa Vàng hiện ra sau lời cầu cứu của An Dương Vương, chỉ Mị Châu là giặc, đưa nhà vua đi xuống biển.

- Chọn cách kể phù hợp nhất:

+ Nhập thân vào Rùa Vàng, kể ở ngôi thứ nhất, xưng “tôi” hoặc “ta”.

+ Tưởng tượng những yếu tố hư cấu phù hợp với câu chuyện và chủ đề của truyện.

+ Lời kể phải tự nhiên, có yếu tố biểu cảm, được thể hiện qua cách miêu tả nhân vật, cảnh vật... qua cách lồng cảm xúc, ý nghĩ của người kể (như suy nghĩ của Rùa Vàng khi thét lớn kết tội Mị Châu...)

- Nhận xét vai trò của những yếu tố tưởng tượng, hư cấu trong truyền thuyết:

+ Thiêng hóa sự kiện và nhân vật lịch sử.

+ Khiến truyền thuyết sinh động, hấp dẫn.

+ Góp phần lí giải, tô đậm lịch sử theo mong muốn của nhân dân.

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp của câu, ngữ nghĩa tiếng Việt.

e. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo; suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về nội dung hoặc nghệ thuật đoạn trích.

2.8. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 8**TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 10****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****Phần I. Đọc hiểu (5 điểm)**

Đọc bài thơ sau của Nguyễn Khoa Điềm và trả lời các câu hỏi :

MẸ VÀ QUẢ

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng
Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.
Và chúng tôi, một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái
Tôi hoảng sợ, ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

(Thơ Việt Nam 1945 - 1985, NXB Văn học, Hà Nội, 1985)

Câu 1: Nêu chủ đề của bài thơ?**Câu 2:** Tìm phép điệp trong khổ thơ đầu và phép đối trong khổ thơ thứ hai.

Câu 3: Trong nhan đề và bài thơ, chữ “quả” xuất hiện nhiều lần. Chữ “quả” ở dòng nào mang ý nghĩa tả thực? Chữ “quả” ở dòng nào mang ý nghĩa biểu tượng?

Câu 4: Nghĩa của cụm từ in đậm trong hai dòng cuối của bài thơ “Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi - Mình vẫn còn một thứ quả non xanh”.

Câu 5: Viết một đoạn văn (khoảng 15 đến 20 dòng), trình bày suy nghĩ của Anh/ chị về tình mẫu tử.

Phần II. Làm văn (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ Tỏ lòng (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 10

Phần I: Đọc hiểu (5.0 điểm)

Câu 1: Chủ đề của bài thơ là sự nhận thức của người con về công ơn của mẹ.

Câu 2:

- Phép điệp: Những mùa quả.
- Phép đối: Lũ chúng tôi lớn lên - Bí và bầu lớn xuống.

Câu 3:

- Chữ “quả” mang ý nghĩa tả thực: dòng 1 và dòng 3 của khổ đầu.
- Chữ “quả” mang ý nghĩa biểu tượng: dòng 1 và dòng 4 của khổ cuối.

Câu 4: Nghĩa của cụm từ quả non xanh: Chưa đến độ chín, chưa trưởng thành; chưa làm được những điều xứng đáng với sự mong đợi của mẹ, chưa trở thành người tốt,...

Câu 5: Đoạn văn cần đáp ứng yêu cầu cả về hình thức và nội dung. Cụ thể nêu được những ý sau:

- Vai trò to lớn của người mẹ đối với con:
- + Có công sinh thành, nuôi dưỡng chăm sóc, dạy dỗ con cái nên người.
- + Luôn bao bọc, chở che, hi sinh tất cả vì con.
- Phê phán những người mẹ sống thiếu trách nhiệm, thương con một cách mù quáng.

- Trách nhiệm làm con: Phải biết vâng lời mẹ, chăm sóc mẹ khi ốm đau, làm những điều tốt để mẹ vui lòng,...

Phần II: Làm văn (5đ)

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Phạm Ngũ Lão; giới thiệu tác phẩm: Tỏ lòng (Thuật hoài).

- Nêu vấn đề nghị luận: Bài thơ Tỏ lòng.

b. Thân bài:

- Sơ lược về nhà Trần

+ Trong các triều đại phong kiến nhà Trần là triều đại để lại nhiều dấu ấn lịch sử đáng ghi nhớ nhất.

+ Thời đại ấy hun đúc nên những con người vĩ đại và trở lại, con người lại làm vẻ vang cho thời đại sản sinh ra mình.

- Nội dung:

+ Vẻ đẹp con người:

- Hình tượng con người kì vĩ (Hai câu đầu).
- Vẻ đẹp tư tưởng nhân cách (Hai câu sau).

+ Vẻ đẹp thời đại (HS có thể trình bày lồng vào vẻ đẹp con người)

- Chân dung thời đại được phản ánh qua hình tượng con người trung tâm.
- Hình ảnh con người trầm tư suy nghĩ về ý chí lí tưởng, hoài bão của mình là sự khúc xạ tuyệt đẹp của chân dung thời đại.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật ngắn gọn, đạt tới độ súc tích cao.

+ Từ ngữ hình ảnh to lớn để miêu tả tầm vóc của con người thời đại nhà Trần.

c. Kết bài:

- Nhận xét đánh giá: Con người và thời đại nhà Trần (Thời đại Đông A) thật gần gũi, đẹp đẽ.

2.9. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 9

TRƯỜNG THPT TRƯƠNG ĐỊNH**ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 10****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

*“Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.
Ba đồng một mớ trâu cày,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra?”*

*(Ca dao)***Câu 1:** Nêu nội dung chính của văn bản. (0,5 điểm)**Câu 2:** Trong truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy (SGK lớp 10 tập 1) có chi tiết Rùa vàng hiện lên rẽ nước đưa An Dương Vương xuống biển. Anh/chị hãy cho biết ý nghĩa của chi tiết đó. (1,0 điểm)**Câu 3:** Xác định phong cách ngôn ngữ và thể thơ của văn bản. (0,5 điểm)**Câu 4:** Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 5: Viết đoạn văn từ 5 đến 7 dòng thể hiện cảm nhận của anh/chị về nỗi niềm của nhân vật “em” trong 4 câu cuối của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 6: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 2 câu: “Bây giờ em đã có chồng/Như chim vào lồng như cá cắn câu.”? (1,0 điểm)

PHẦN II: LÀM VĂN (6,0 điểm)

Bằng hình thức nhập vai hóa thân vào nhân vật, anh/chị hãy kể lại quá trình đấu tranh của Tấm với mẹ con Cám sau khi được trở thành Hoàng Hậu.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 10

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1: Nội dung chính của văn bản:

- Lời than vãn của chàng trai về việc cô gái đã đi lấy chồng. (0,25 điểm)
- Lời trách móc của cô gái vì chàng trai quá chậm trễ trong việc bày tỏ tình cảm với cô. (0,25 điểm)

Câu 2: Ý nghĩa của yếu tố thần kì:

- Giúp câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn. (0,5 điểm)
- Phản ánh thái độ của nhân dân với nhân vật lịch sử: kính trọng, biết ơn vị vua An Dương Vương nên nhân dân đã bất tử hóa. (0,5 điểm)

Câu 3: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật và thể thơ lục bát. (0,5 điểm)

Câu 4: Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt tự sự, biểu cảm, miêu tả. (0,5 điểm)

Câu 5: Gợi ý

- Bày tỏ tình cảm buồn bã, xót xa, tiếc nuối ...
- Đúng kỹ năng viết đoạn văn, từ 5 đến 7 dòng.

Câu 6:

- Biện pháp tu từ so sánh (như chim, như cá) (0,25 điểm).
- Tác dụng: nhấn mạnh vào tình cảnh bị ràng buộc bởi hôn nhân của cô gái. Gợi hình ảnh gò bó, tù túng (chim lồng, cá chậu). Gợi cảm xúc buồn bã, tiếc nuối của cô gái (0,25 điểm).

- Biện pháp tu từ ẩn dụ (chim vào lồng, cá cắn câu) (0,25 điểm).
- Tác dụng: nhấn mạnh vào tình cảnh bị ràng buộc bởi hôn nhân của cô gái. Gọi hình ảnh gò bó, tù túng (chim lồng, cá chậu). Gọi cảm xúc buồn bã, tiếc nuối của cô gái (0,25 điểm).

PHẦN II: LÀM VĂN (6,0 điểm)

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết vận dụng kĩ năng viết văn tự sự, kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự.
- Đảm bảo một văn bản tự sự hoàn chỉnh có kết cấu chặt chẽ, bố cục 3 phần
- Ngôn ngữ chọc lọc, trong sáng, diễn đạt lưu loát, các ý rõ ràng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Bài viết được trình bày rõ ràng, cẩn thận.

b. Yêu cầu về kiến thức:

- Đề bài yêu cầu nhập vai nhân vật kể lại cuộc đời mình nên bài viết cần bám sát những sự việc, chi tiết tiêu biểu của văn bản. Đồng thời cần tái hiện nội dung câu chuyện từ góc nhìn của vai người kể chuyện và đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm để câu chuyện sinh động.
- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được các ý cơ bản sau:

Gợi ý:

* Mở bài:

- Giới thiệu câu chuyện, nhân vật kể chuyện.

* Thân bài:

Các sự việc chính:

- Tấm bị mẹ con Cám hại chết khi về giỗ bố
- Tấm hóa thành chim vàng anh bay về cung, báo hiệu sự hiên diện của mình. Mẹ con Cám giết chim vàng anh
- Tấm hóa thành cây xoan che bóng mát cho vua. Mẹ con Cám chặt cây xoan làm khung cửa
- Tấm hóa mình vào khung cửa, cảnh cáo Cám. Mẹ con Cám đốt khung cửa

- Tấm hóa thành quả thị, được một bà lão yêu thích mang về nhà và trở lại thành người chung sống hạnh phúc bên bà lão.

- Tấm gặp lại vua và được đón về cung.

- Tấm trừng trị Cám.

* Kết bài:

- Bài học từ câu chuyện đấu tranh của Tấm: chủ động, mạnh mẽ, kiên trì, cương quyết,...

(Học sinh có thể sáng tạo khi kể nhưng vẫn phải đảm bảo cốt truyện và ngôn ngữ văn học; biết vận dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm, liên tưởng,.. để làm bài)

2.10. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 10 số 10

TRƯỜNG THPT VÕ VĂN KIẾT

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm):

Đọc đoạn văn sau và trả lời những câu hỏi:

Chiếm hết chỗ

Một người ăn mày hom hem, rách rưới, đến cửa nhà giàu xin ăn. Người nhà giàu không cho lại còn mắng:

- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!

Người ăn mày nghe nói, vội trả lời:

- Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đây.

Người nhà giàu nói:

- Đã xuống địa ngục sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bẩn mắt?

Người ăn mày đáp:

- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!

(Theo Trương Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

Câu 1 (1,5 điểm): Bài học được rút qua câu chuyện là gì?

Câu 2 (1,0 điểm): Người nhà giàu có thái độ gì với người ăn xin?

Câu 3 (0,5 điểm): Nêu phương thức biểu đạt chính của câu chuyện.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (5,0 điểm): Đóng vai Cám và kể lại câu chuyện Tấm Cám.

Câu 2 (2,0 điểm): Viết một bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề phân chia giàu nghèo trong xã hội.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm):

Câu 1 (1,5 điểm): Bài học được rút ra từ câu chuyện: không được coi thường người khác, sống có tấm lòng, biết chia sẻ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.

Câu 2 (1,0 điểm): Thái độ của người nhà giàu: khinh bỉ, coi thường, xua đuổi người ăn xin và cho rằng họ chỉ thuộc về nơi địa ngục.

Câu 3 (0,5 điểm): Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (5,0 điểm):

a. Mở bài:

- Giới thiệu câu chuyện bằng lời kể của Cám.

b. Thân bài:

* Trước khi Tấm làm vợ vua

- Ghen tị trước vẻ đẹp của Tấm và ghét bỏ vì cô ta được mọi người xung quanh yêu quý.

- Một hôm, mẹ tôi giao hẹn cho tôi và Tấm ai bắt được đầy giỏ thì được thưởng, tôi dạo chơi vì biết chị ta sẽ bắt được đầy giỏ, lúc đó chỉ việc lấy của chị ta rồi bảo của mình, vừa không tốn sức lại vừa được thưởng.

- Trong giỏ còn sót lại con cá bóng, chị ta mang về thả vào giếng. Sau mỗi bữa cơm thấy chị ta giấu đi ít cơm, mẹ nghi ngờ và bảo tôi đi rình, quả nhiên chị ta cho con cá bóng ăn. Hôm sau mẹ sai chị ta đi chăn trâu ở đồng xa, ở nhà tôi với mẹ bắt con cá bóng của chị ta và có một bữa ăn đánh chén no nê.

- Sau đó, tôi thấy chị ta đi tìm xương cá bóng và chôn xuống chân giường, thật là những việc làm nhảm nhí.

* Khi vua chọn vợ

- Một thời gian sau nhà vua mở hội, tôi và mẹ nô nước chuẩn bị quần áo thật đẹp để trẩy hội, chị ta cũng muốn được đi. Tôi không chấp nhận cảnh đi chơi chung với người bần hàn như thế, mẹ hiểu ý tôi nên đã lấy gạo trộn với thóc bắt chị ta nhặt hồng không cho chị ta đi.

- Lễ hội đang vui vẻ thì nhà vua có cầm một chiếc giày xinh đẹp trên tay và bảo ai thử vừa giày thì người sẽ lấy làm vợ. Tôi hồi hộp nhìn theo hàng người để thử giày với hi vọng có thể trở thành vợ vua để hưởng vinh hoa phú quý.

- Điều khiến tôi ngạc nhiên là Tấm cũng tham gia thử giày, hơn nữa trên người chị ta còn mặc bộ trang phục vô cùng lộng lẫy, xinh đẹp. Con ghen tức của tôi lên đến tột độ, sau hôm nay về nhà tôi sẽ dạy cho chị ta bài học.

- Một điều tôi không ngờ tới đó là chị ta xỏ vừa chiếc giày của vua và được chọn làm vợ.

* Khi Tấm làm vợ vua

- Hôm giỗ bố chị ta có về, tôi và mẹ bàn tính kĩ lưỡng và hôm đó nhân lúc chị ta trèo cây chặt buồng cau, mẹ tôi chặt gốc để chị ta ngã xuống ao chết. Sau đó tôi được đưa vào cung thay chị ta làm hoàng hậu và sống trong vinh hoa phú quý.

- Những tưởng đã được hạnh phúc nhưng chị ta năm lần bảy lượt biến thành chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi để ở cạnh vua và hãm dọa tôi, nhưng nhờ có mẹ ra tay giúp đỡ lần nào chị ta cũng bị thất bại thảm hại.

- Cuộc sống của tôi êm đềm một thời gian thì một hôm nhà vua đưa Tấm quay lại cung điện trong sự sùng sốt của tôi.

- Thấy chị ta ngày càng trẻ đẹp hơn, tôi lần la đến hỏi bí quyết và được chị ta chỉ cho rằng nhảy xuống hồ và đổ nước sôi vào, tôi không ngờ đây lại cái kết cho mình.

c. Kết bài:

- Khái quát lại ý nghĩa câu chuyện.

Câu 2 (2,0 điểm):

a. Mở bài:

- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Vấn đề phân chia giàu nghèo trong xã hội.

b. Thân bài:

* Thực trạng

- Xã hội có những người giàu coi thường kẻ nghèo, không những không giúp đỡ mà còn lảng mạn, xúc phạm, cho họ là dơ bẩn...

* Nguyên nhân

- Ý thức chủ quan, cái tôi của mỗi cá nhân.

- Do ảnh hưởng giáo dục từ người khác.

* Hậu quả

- Sự phân biệt giàu nghèo ngày càng lớn dần.

- Mất đoàn kết, mâu thuẫn xã hội.

* Biện pháp

- Mỗi người cần tự có nhận thức đúng đắn về cách sống, cách làm người.

- Gia đình, nhà trường cần dạy dỗ các em học sinh từ khi còn bé về tình người và tinh thần lá lành đùm lá rách.

c. Kết bài

- Liên hệ bản thân và rút ra bài học.